

CÔNG TY CỔ PHẦN HERA QUỐC TẾ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HERA QUỐC TẾ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HERA INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HERA OIL, JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107940542

3. Ngày thành lập: 31/07/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Đàn Viên, Xã Cao Viên, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 01669944789

Fax:

Email: linhtuyen216@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: + Dầu mỡ, + Dầu hoặc mỡ được pha chế bằng quá trình hoá học,	2029
2.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn nhiên liệu, dầu mỡ nhờn, dầu bôi trơn như: - Than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha; - Dầu mỏ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa; - Khí dầu mỏ, khí butan và propan đã hoá lỏng; - Dầu mỡ nhờn, xăng dầu đã tinh chế.	4661(Chính)
3.	Trồng lúa	0111
4.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
5.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
6.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
7.	Trồng cây mía	0114
8.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
9.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
10.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
11.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
12.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
13.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

14.	Trồng cây lấy sợi	0116
15.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
16.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
17.	Trồng cây ăn quả	0121
18.	Trồng cây điều	0123
19.	Trồng cây hồ tiêu	0124
20.	Trồng cây cao su	0125
21.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
22.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê.	4290
23.	Phá dỡ	4311
24.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn, nổ mìn và hoạt động khác tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
25.	Trồng cây cà phê	0126
26.	Trồng cây chè	0127
27.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
28.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
29.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
30.	Chăn nuôi lợn	0145
31.	Chăn nuôi gia cầm	0146
32.	Khai thác gỗ (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm)	0221
33.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
34.	Khai thác thủy sản biển	0311
35.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
36.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
37.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
38.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
39.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
40.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
41.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
42.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
43.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
44.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
45.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
46.	Sản xuất đường	1072

47.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
48.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
49.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
50.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
51.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
52.	Sản xuất sợi	1311
53.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
54.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
55.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
56.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
57.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
58.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
59.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
60.	Sản xuất giày dép	1520
61.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
62.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
63.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
64.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
65.	Xây dựng nhà các loại	4100
66.	Xây dựng công trình công ích	4220
67.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
68.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
69.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh,	4329
70.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

71.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, + Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng	4390
72.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
73.	Bán buôn gạo	4631
74.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt Bán buôn thủy sản Bán buôn rau, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	4632
75.	Bán buôn đồ uống	4633
76.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
77.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh được phẩm)	4649
78.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659

79.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ Bán buôn vàng và kim loại quý khác). Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
80.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
81.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
82.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
83.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
84.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
85.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất trưng tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
86.	Vận tải hành khách đường bộ khác - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
87.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
89.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế Chi tiết: - Sản xuất dầu mỡ bôi trơn từ dầu, kể cả từ dầu thải; - Sản xuất các sản phẩm khác: cặn trắng, varolin, sáp paraffin, nhớt...	1920

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:**8. Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ OANH	Thôn Cao Mật Thượng, Xã Thanh Cao, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	111225097	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		
2	NGUYỄN VĂN TUYÊN	Thôn Đan Viên, Xã Cao Viên, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	80,000	001073007773	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	80,000		
3	NGUYỄN DUY KHƯƠNG	Thôn Cao Mật Thượng, Xã Thanh Cao, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	017358801	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN TUYÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/12/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001073007773

Ngày cấp: 04/02/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đàn Viên, Xã Cao Viên, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Đàn Viên, Xã Cao Viên, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội